

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng**  
**chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế**  
**của Đại học Kinh tế Quốc dân**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Đại học Kinh tế Quốc dân;*

*Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 22 ngày 22 tháng 10 năm 2025.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Đại học Kinh tế Quốc dân. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Đại học Kinh tế Quốc dân đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Đại học Kinh tế Quốc dân sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí chiếm 84%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Đại học Kinh tế Quốc dân cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Đại học Kinh tế Quốc dân theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- ĐH Kinh tế Quốc dân;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đường**



**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**

**Chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế**  
**của Đại học Kinh tế Quốc dân**

*(Kèm theo Nghị quyết số 119/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                       |                                 | Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                       |                                 |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------|---------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
| Tiêu chuẩn 1            |                            | 4,00                        | 2                     | 100                             | Tiêu chuẩn 7            |                            | 3,83                        | 5                     | 83,33                           |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 7.1            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 1.2            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chuẩn 2            |                            | 3,67                        | 2                     | 66,67                           | Tiêu chí 7.3            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 7.4            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 2.2            | 3                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 7.6            | 3                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chuẩn 3            |                            | 3,50                        | 2                     | 50,00                           | Tiêu chuẩn 8            |                            | 4,25                        | 8                     | 100                             |
| Tiêu chí 3.1            | 3                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 8.1            | 5                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 8.2            | 5                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 8.3            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 3.4            | 4                          | Tiêu chí 8.4                | 4                     |                                 |                         |                            |                             |                       |                                 |
| Tiêu chuẩn 4            |                            | 3,57                        | 4                     | 57,14                           | Tiêu chí 8.5            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 8.6            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.2            | 3                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 8.7            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.3            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 8.8            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.4            | 3                          |                             |                       |                                 | Tiêu chuẩn 9            |                            | 3,80                        | 4                     | 80,00                           |
| Tiêu chí 4.5            | 3                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 9.1            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.6            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 9.2            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.7            | 4                          | Tiêu chí 9.3                | 4                     |                                 |                         |                            |                             |                       |                                 |
| Tiêu chuẩn 5            |                            |                             |                       | Tiêu chí 9.4                    | 4                       |                            |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          | 4,17                        | 7                     | 100                             | Tiêu chí 9.5            | 3                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.2            | 5                          |                             |                       |                                 | Tiêu chuẩn 10           |                            | 3,80                        | 4                     | 80,00                           |
| Tiêu chí 5.3            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 10.1           | 3                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 10.2           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 10.3           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.6            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 10.4           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.7            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 10.5           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chuẩn 6            |                            | 4,20                        | 5                     | 100                             | Tiêu chuẩn 11           |                            | 4,00                        | 3                     | 100                             |
| Tiêu chí 6.1            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 11.1           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.2            | 5                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 11.2           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                       |                                 | Tiêu chí 11.3           | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          |                             |                       |                                 |                         |                            |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                       |                                 |                         |                            |                             |                       |                                 |
| Mức trung bình          |                            |                             |                       |                                 |                         |                            |                             |                       |                                 |
| 3,91                    |                            | 46                          |                       |                                 |                         |                            | 84                          |                       |                                 |



## Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

### **Chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Đại học Kinh tế Quốc dân**

(Kèm theo Nghị quyết số 119/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

#### **I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT**

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) hệ đào tạo từ xa (ĐTTX) trình độ đại học ngành Luật kinh tế (LKT) của Đại học Kinh tế Quốc dân, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học ngành LKT hệ ĐTTX được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường và phù hợp mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học và Khung trình độ quốc gia. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học hệ ĐTTX ngành LKT được xác định rõ ràng, cụ thể các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các chuẩn đầu ra về kiến thức hướng đến các năng lực phù hợp với vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên ý kiến của các bên liên quan và được công bố công khai.

2. Bản mô tả CTĐT ngành LKT năm 2024 được áp dụng chung cho cả hệ chính quy và hệ ĐTTX, có cấu trúc hợp lý, được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan và được công bố công khai. Đề cương các học phần CTĐT ngành LKT hệ ĐTTX có cấu trúc chung thống nhất, được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật và công bố cho người học. CTĐT ngành LKT năm 2024 được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; được cập nhật dựa trên ý kiến của các bên liên quan, hướng đến đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Các học phần trong chương trình dạy học được bố trí tương đối hợp lý trong 8 học kỳ giảng dạy đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra.

3. Hoạt động dạy-học được thiết kế phù hợp với hình thức ĐTTX và được triển khai trên hệ thống Elearning; qua đó, người học được cung cấp học liệu điện tử đa dạng (video/audio, slide, text, giáo án), được tham diễn đàn tương tác giảng viên – người học theo từng tuần. CTĐT bố trí hoạt động chủ đạo là tự học, gắn với bài giảng đa phương tiện để đạt chuẩn đầu ra học phần/CTĐT; đánh giá theo cấu trúc trắc nghiệm hằng tuần, bài kiểm tra theo cụm tuần và thi kết thúc học phần, bảo đảm đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra. CTĐT trang bị kỹ năng tự học qua các học phần nền tảng (Phát triển kỹ năng cá nhân; Nhập môn Internet và Elearning), hỗ trợ người học thích nghi và học tập hiệu quả.

4. Hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế có tính đến đặc thù của hình thức ĐTTX. Các quy định về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học nhìn chung phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT. Việc xây dựng nội dung thi kiểm tra học phần nhìn chung có hướng đến

đáp ứng các chuẩn đầu ra học phần. Các quy định và các quy trình đánh giá kết quả học tập của người học nhìn chung có nội dung rõ ràng, hợp lý và được ban hành có các phụ lục, biểu mẫu kèm theo giúp cho các bên liên quan thực hiện dễ dàng và được công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học. Các văn bản liên quan đến khảo thí được công bố công khai trên website của Nhà trường. Nhà trường áp dụng kết hợp cả phương pháp trực tuyến và trực tiếp trong đánh giá kết quả học tập của người học. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập hướng đến bảo đảm độ giá trị và khách quan. Nhà trường có quy định cụ thể về thời lượng chấm thi kết thúc học phần đối với hệ ĐTTX. Các quy định về tổ chức thi được công bố công khai trên website của Trường, người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận các văn bản này để thực hiện. Nhà trường có quy định cụ thể về việc xin xem lại và chấm phúc khảo bài thi kết thúc học phần đối với hệ ĐTTX. Các quy định về xin xem lại và chấm phúc khảo bài thi kết thúc học phần được công bố công khai trên website của Trường. Nhà trường ban hành quy định, quy trình giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học hệ ĐTTX. Nhà trường có quy định phân công đơn vị và nhân sự giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học từ xa. Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy Trung tâm đào tạo thường xuyên thực hiện thường xuyên tổng kết tiến độ học tập của các lớp hệ ĐTTX.

5. Nhà trường có các kế hoạch thực hiện tuyển dụng và phân công nhiệm vụ cho giảng viên, nghiên cứu viên, trợ giảng đáp ứng được các yêu cầu của CTĐT từ xa về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ giảng viên có trình độ TS trở lên khá cao. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí việc làm theo năng lực và chuyên môn của giảng viên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho giảng viên, trong đó có CTĐT từ xa được thực hiện khá hiệu quả. Nhà trường/Khoa thực hiện chặt chẽ việc quản trị công việc của giảng viên, nghiên cứu viên theo quy định.

6. Nhà trường có chiến lược và kế hoạch phát triển nhân viên rõ ràng, bảo đảm đủ số lượng và chất lượng; tỷ lệ nhân viên trình độ sau đại học tăng, số viên chức cơ hữu Trung tâm đào tạo thường xuyên tăng trong chu kỳ đánh giá. Hệ thống quy định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển minh bạch, dựa trên nhu cầu công việc và tiêu chuẩn chức danh. Cơ chế quản trị hiệu quả với quy định năng lực/khối lượng, giám sát–đánh giá–khen thưởng định kỳ; bước đầu áp dụng KPI cho nhân viên hành chính. Công tác đào tạo, bồi dưỡng triển khai theo nhu cầu vị trí việc làm, đạt hiệu quả cao với nhiều lượt cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia trong và ngoài nước. Kế hoạch giao việc đến đơn vị/cá nhân, kèm quy trình theo dõi–đánh giá thường xuyên, tạo động lực và nâng cao hiệu quả thực thi.

7. Chính sách tuyển sinh rõ ràng, công bố đa kênh và cập nhật hằng năm. Người học được trang bị phương pháp học (E-Learning, tự học, học hợp tác, case study, ứng dụng CNTT) và rèn kỹ năng cá nhân (giao tiếp trực tuyến, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, tự tin). Trường tổ chức tư vấn lộ trình học tập–nghề nghiệp và cung cấp dịch vụ hỗ trợ toàn diện (cổng thông tin, thư viện điện tử, quản lý điểm, ngoại khóa, cộng đồng) qua nhiều kênh và đội ngũ chuyên trách, bảo đảm phản hồi kịp thời. Hệ thống thông tin tư vấn, hỗ trợ đầy đủ, minh bạch; môi trường học tập

an toàn, bảo mật, tăng khả năng tiếp cận cho người học có nhu cầu đặc biệt.

8. Hạ tầng CNTT và hệ thống phần mềm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý và ĐTTX theo Quy chế đào tạo từ xa, được quan tâm đầu tư, phát triển và nâng cấp với kế hoạch cụ thể và nguồn kinh phí lớn: xấp xỉ 150 tỷ đồng trong giai đoạn đánh giá. Hệ thống phòng thu (phòng studio, phòng chuyên môn) đáp ứng các yêu cầu phát triển học liệu và hoạt động dạy-học. Thư viện, bao gồm thư viện điện tử bảo đảm nguồn tài liệu đáp ứng yêu cầu chuyên môn của CTĐT và các nguồn tài nguyên khác đa dạng, phong phú. Nguồn học liệu phục vụ ĐTTX được xây dựng và cập nhật theo kế hoạch hằng năm, đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra, mục tiêu và đầy đủ cho các học phần của CTĐT. Các phòng thực hành để triển khai các hoạt động thực hành, thực tập rèn luyện kiến thức và kỹ năng chuyên môn phù hợp với phương thức ĐTTX.

9. Chiến lược phát triển ĐTTX được xây dựng và ban hành, bám sát chiến lược chung của Nhà trường; Quy chế ĐTTX của Trường được xây dựng và ban hành, trong đó quy định về tổ chức quản lý, thực hiện CTĐT từ xa và công khai quy chế trên website của Trường, của Trung tâm ĐTTX, sổ tay sinh viên ĐTTX... Nhà trường đã ban hành nghị quyết về đề án vị trí việc làm, trong đó có quy hoạch, xác định số lượng người làm việc tại các đơn vị trong toàn Trường phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị. Ban hành các quy định về bổ nhiệm, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, hàng năm đều xây dựng và triển khai thực hiện hoạt động bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và đào tạo bồi dưỡng. Đã xác định và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn, có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật; kế hoạch tài chính hàng năm cho ĐTTX được xây dựng, thực hiện đảm bảo nhu cầu cho hoạt động ĐTTX của CTĐT LKT.

10. Nhà trường ban hành quy định khảo sát các bên liên quan, trong đó quy định trách nhiệm của các cơ quan đơn vị thực hiện nhiệm vụ lấy ý kiến các bên liên quan và tổng hợp, phân tích kết quả, chia sẻ thông tin phục vụ hoạt động xây dựng, đánh giá và phát triển chương trình dạy học. Ban hành quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trong đó có quy trình thực hiện việc xây dựng, rà soát và phát triển CTĐT, các quy trình này được rà soát và cải tiến. Công tác đảm bảo chất lượng CTĐT từ xa ngành LKT được quan tâm; hệ thống quản lý và giám sát chất lượng CTĐT, bao gồm việc đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT, quản lý và giám sát quá trình đào tạo, và đảm bảo chất lượng đội ngũ giảng viên và nhân viên được tổ chức thực hiện. Trường cũng đã triển khai các hoạt động hỗ trợ người học, bao gồm tư vấn học tập, hỗ trợ CNTT, và hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, Nhà trường đã thiết lập hệ thống thông tin và truyền thông để hỗ trợ người học và các bên liên quan, bao gồm việc cung cấp thông tin về CTĐT, quy chế đào tạo và kết quả học tập.

11. Trường đã thiết lập hệ thống quản lý và giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Các quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của sinh viên đã được ban hành và triển khai thực hiện. Trường cũng đã tổ chức đối thoại hàng năm giữa lãnh đạo trường và sinh viên, cũng như giữa Trường

khoa, Phó Trưởng khoa với sinh viên, để lắng nghe và thu nhận các ý kiến phản hồi về hoạt động đào tạo và các vấn đề khác liên quan. Kết quả khảo sát ý kiến cho thấy tỉ lệ hài lòng của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đạt ở mức cao.

## II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Cần xác định rõ trong Mục tiêu của CTĐT ngành LKT là theo định hướng nghiên cứu hay định hướng ứng dụng; cụ thể hóa các chuẩn đầu ra kỹ năng chuyên môn nhằm hướng đến đáp ứng được đầy đủ Mục tiêu PO04 và đáp ứng đầy đủ các kỹ năng chuyên môn ngành LKT theo các vị trí việc làm của người học có thể đảm nhận sau tốt nghiệp.

2. Xây dựng và ban hành Bản mô tả CTĐT ngành LKT dành riêng cho hệ ĐTTX, trong đó thể hiện rõ các đặc thù về phương pháp dạy học và các phương pháp đánh giá kết quả học tập của hệ ĐTTX, bổ sung vào Bản mô tả CTĐT các ma trận phương pháp dạy học và các phương pháp đánh giá kết quả học tập hướng đến đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT, rà soát các nội dung chưa chuẩn xác; ban hành bổ sung đề cương chi tiết của các học phần còn thiếu trong CTĐT ngành LKT; bổ sung vào đề cương chi tiết học phần của hệ ĐTTX chuẩn đầu ra của học phần, ma trận thể hiện sự tương ứng của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, ma trận liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra, bổ sung mô tả các phương pháp dạy học đặc thù của hệ ĐTTX, bổ sung thông tin cụ thể về giảng viên giảng dạy học phần; bổ sung vào đề cương chi tiết học phần các hướng dẫn người học đọc các tài liệu tương ứng cho từng nội dung học phần; rà soát và bổ sung các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, luận văn, luận án vào mục Tài liệu học tập để người học tham khảo; đăng tải đầy đủ các đề cương chi tiết học phần hệ ĐTTX trên website của Trường để các bên liên quan ngoài Trường tiếp cận được đến các đề cương học phần để nghiên cứu và cho ý kiến góp ý; bổ sung học phần Thực tập tốt nghiệp, bổ sung học phần Luật Hình sự 2 vào CTĐT; rà soát nhằm khắc phục các nội dung chưa chuẩn xác của Phụ lục 2 - Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra.

3. Thực hiện giám sát một cách nghiêm túc tính trung thực trong học tập của người học, phát hiện và có các biện pháp xử lý nghiêm khắc nhất đối với các trường hợp học hộ/học thuê; nâng cấp hệ thống bài giảng đa phương tiện sao cho sinh động hơn và đảm bảo tính tương tác với người học; thiết kế bổ sung các hoạt động thực hành nghề nghiệp cho người học hệ ĐTTX (như thực hành diễn án, đóng vai, tăng cường kiến tập,...) nhằm bổ khuyết các kỹ năng tranh tụng, kỹ năng tư vấn pháp luật; bổ sung các hoạt động làm việc nhóm và thuyết trình nhằm rèn luyện cho người học kỹ năng giao tiếp với khách hàng, kỹ năng trình bày, kỹ năng thuyết trình; thiết kế bổ sung thêm các hoạt động nhằm tăng cường tính tương tác giữa

người học với giảng viên, như: các buổi thảo luận chung online, các buổi sinh hoạt nhóm online; thiết lập hệ thống cảnh báo sớm giúp người học tham gia Diễn đàn đề dẫn vào các tuần của học phần; bổ sung hướng dẫn tự đọc các tài liệu (chỉ dẫn cụ thể các chương mục của mỗi học liệu) trong từng tuần học của học phần; bổ sung thêm tài liệu học tập trong đề cương sao cho đảm bảo tính đa dạng.

4. Bổ sung công cụ giám sát kiểm tra để bảo đảm khách quan, phát hiện và xử lý thi hộ; đa dạng hóa hình thức đánh giá gắn với mức đạt chuẩn đầu ra cụ thể; xây dựng rubric đánh giá kết quả học tập cho hệ ĐTTX; công bố đồng bộ lịch học, lịch thi ngay đầu kỳ, rà soát tính hợp lý của lịch thi để không ảnh hưởng sức khỏe người học; rà soát, chuẩn hóa và nâng cao độ phân hóa ngân hàng câu hỏi; tập huấn kỹ năng ra đề; phân tích phổ điểm giữa kỳ, cuối kỳ để phát hiện bất thường và cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá; thiết lập cơ chế cảnh báo chậm chấm bài, quy định trách nhiệm giảng viên; tìm hiểu nguyên nhân không có yêu cầu phúc khảo để có giải pháp phù hợp; tăng cường giám sát học hộ, học thuê; bổ sung cơ chế cảnh báo người học không tham gia diễn đàn; bảo đảm công tác kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng mức đạt chuẩn đầu ra.

5. Lập kế hoạch tổng thể hàng năm đối với CTĐT từ xa trong đó xác định số lượng cụ thể đội ngũ giảng viên để chủ động trong việc điều phối nhân lực; tổng kết, đánh giá hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đối với CTĐT từ xa; có phương thức khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ giảng viên đối với các hoạt động bồi dưỡng cho CTĐT từ xa đảm bảo độ tin cậy.

6. Rà soát chiến lược, kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ ĐTTX (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn) để có kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên rõ ràng cả về định hướng và định lượng, đáp ứng với việc mở rộng quy mô, khu vực ĐTTX (trong nước, quốc tế), nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; rà soát Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động, khung năng lực theo Đề án vị trí việc làm để điều chỉnh, bổ sung tiêu chí, yêu cầu tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, định hướng phát triển nguồn nhân lực và đặc thù trong ĐTTX; hoàn thiện các văn bản liên quan về yêu cầu năng lực của đội ngũ nhân viên và tiêu chí đánh giá, xếp loại nhân viên theo hướng tiếp cận năng lực rõ nét hơn; áp dụng chuyển đổi số trong đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên; trong quản trị kết quả công việc của nhân viên; tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trung hạn và dài hạn cho đội ngũ nhân viên; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cho nhân viên nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm, tăng cường các khóa bồi dưỡng về kiểm định chất lượng giáo dục đại học, chuyển đổi số; thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến đội ngũ nhân viên về đánh giá năng lực/đánh giá, xếp loại nhân viên, về thi đua khen thưởng và công nhận của các cấp; về nhu cầu đào tạo bồi dưỡng và về việc quản trị theo kết quả công.

7. Thiết lập quy trình đánh giá hiệu quả từng phương thức tuyển sinh, từ đó điều chỉnh chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh phù hợp; cần lồng ghép phương pháp, kỹ năng học tập từ xa vào CTĐT, đề cương chi tiết học phần và chương trình dạy học; thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả của phương pháp, kỹ năng học

tập; xây dựng hệ thống tư vấn, hỗ trợ người học từ xa một cách hiệu quả; phát triển đa dạng hoạt động ngoại khóa; hoàn thiện hệ thống Neu-E-Learning và LMS theo hướng: tích hợp truy cập chatbot, cung cấp đầy đủ, cập nhật các nội dung tư vấn, hỗ trợ; đẩy mạnh công tác truyền thông đa kênh; thiết kế hệ thống truy cập thông tin tích hợp, thân thiện trên nền tảng số, đảm bảo cung cấp đầy đủ các quy định, quy chế, học liệu, tài liệu hướng dẫn tâm lý - đời sống; chú trọng tương tác hai chiều và đánh giá hài lòng của người học; vận dụng chu trình PDCA trong môi trường học tập trực tuyến; sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận cho người học khuyết tật theo hướng: Xây dựng chính sách, quy trình, công cụ hỗ trợ học tập thích ứng (giao diện thân thiện, có phụ đề, trình đọc...); đánh giá hiệu quả và cải tiến dựa trên phản hồi của người học.

8. Tổ chức đánh giá tính hiệu quả của hệ thống cơ sở vật chất (hạ tầng CNTT, phòng thu, thư viện, học liệu, phòng thực hành...) thường xuyên hơn làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng; quan tâm bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật phòng Studio để công tác phát triển học liệu được chủ động và nâng cao chất lượng của các bài giảng điện tử; tăng cường các hoạt động dạy - học trực tuyến, tương tác online giảng viên, người học... nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phòng chuyên môn và chất lượng ĐTTX; triển khai nghiên cứu, lập quy trình khai thác hiệu quả và đầy đủ các chức năng của hệ thống phần mềm quản lý và vận hành Thư viện số; hủy bỏ phiên bản NEU-Reader cũ và triển khai tập huấn phương pháp truy cập phiên bản NEU-Reader mới tới toàn thể giảng viên và người học; tăng cường số hóa đầy đủ sách tham khảo và tài liệu nội sinh đảm bảo tỷ lệ theo quy định; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ phận liên quan giúp cho việc vận hành Hệ thống NEU-E-Learning được chặt chẽ và hiệu quả hơn; triển khai khảo sát các bên liên quan về hệ thống cơ sở vật chất (hạ tầng CNTT, thư viện, học liệu, phòng thực hành...) thường xuyên với các tiêu chí khảo sát sâu hơn nhằm thu thập đầy đủ số liệu và có giải pháp cải tiến kịp thời.

9. Rà soát, điều chỉnh bổ sung chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 sao cho xác định đầy đủ các chỉ tiêu về tất cả các mặt hoạt động cho rõ ràng và xây dựng kế hoạch/lộ trình thực hiện đảm bảo hoàn thành mục tiêu chiến lược; rà soát và lấy ý kiến các bên liên quan về Quy chế ĐTTX; hoạt động đào tạo bồi dưỡng cần lưu tâm đến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trọng tâm và cần sơ kết/tổng kết để có cơ sở cải tiến; xây dựng, ban hành quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của Nhà trường. Cần xây dựng kế hoạch chiến lược để đầu tư phát triển CTĐT từ xa và các điều kiện triển khai đảm bảo hiệu quả.

10. Thực hiện hoạt động khảo sát ý kiến người học đánh giá về CTĐT, hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá thường xuyên theo quy định; xem xét tích hợp quy trình xây dựng, thẩm định, rà soát phát triển CTĐT vào 1 văn bản cho phù hợp và lấy ý kiến các bên liên quan trước khi ban hành; cải tiến quy trình đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT, bao gồm việc tăng cường sự tham gia của người học và các bên liên quan; tăng cường hoạt động hỗ trợ người học, bao gồm việc tăng cường nguồn lực và sự phối hợp giữa các đơn vị; tăng cường đầu tư ứng dụng công nghệ mới trong ĐTTX, cải thiện sự tương tác giữa người dạy và người học.

11. Triển khai các biện pháp hỗ trợ người học, như tư vấn lộ trình học tập cá nhân hóa, cảnh báo sớm về tiến độ học tập, và tổ chức các lớp bổ trợ; tổ chức đối sánh với các trường khác trong cùng lĩnh vực, để học hỏi kinh nghiệm và xác định vị thế của CTĐT từ xa ngành LKT; đầu tư chiều sâu để tạo nên bước đột phá về đổi mới phương pháp ĐTTX thông qua ứng dụng công nghệ mới; phân tích sâu về nguyên nhân không hài lòng của các bên liên quan, và đề xuất các biện pháp cải thiện phù hợp; cải thiện quy trình thu thập và phân tích ý kiến phản hồi, để có thể thu thập và phân tích ý kiến phản hồi một cách hiệu quả và toàn diện.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.